TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:166/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 11 - 2018
V/v ly hôn giữa bà Ph và ông P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lò Thị Chơ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Cầm Văn Tổ
Bà Trịnh Thị Thái

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mai Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện MS xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 186/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXX - ST ngày 23 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1969. Địa chỉ: Bản A, xã CB, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hà Văn P, sinh năm 1964. Địa chỉ: Bản P, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Ph trình bày:

Bà và ông Hà Văn P về chung sống với nhau từ năm 1990. Việc hai ông bà chung sống với nhau là do cả hai cùng tự nguyện, không ai bị ép buộc. Ông bà được cả hai gia đình ủng hộ và tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán địa

phương. Ông bà có đi đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND xã CM nhưng không ra nhận giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Hiện UBND xã CM không còn sổ sách lưu trữ về đăng ký kết hôn tại thời điểm ông bà đăng ký. Ông bà cũng không có người làm chứng hay cung cấp được chứng cứ gì khác liên quan đến việc có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau về chung sống cùng nhau, vợ chồng ông bà chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P không có việc làm và thu nhập ổn định, hay uống rượu khiến nhiều lần bị tai nạn giao thông nên kinh tế gia đình phụ thuộc vào bà. Vợ chồng thường xuyên có cãi cọ, đánh đập nhau vì kinh tế. Bản thân bà đã nhiều lần khuyên bảo ông P nhưng ông vẫn không thay đổi. Nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện bà xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông P đã không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông P.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là chị Hà Thị H sinh năm 1991 và anh Hà Mạnh Q sinh năm 1997 đều đã trưởng thành nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Bà và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng khi ly hôn.

Về nợ chung vợ chồng: Bà và ông P hiện không nợ ai cũng không ai cho vay mượn tài sản.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/10/2018 và trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn ông Hà Văn P trình bày:

Về tình cảm: Ông nhất trí với phần trình bày của bà Ph về quá trình ông bà về chung sống với nhau. Ông bà có ra UBND xã CM thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn nhưng đến ngày hẹn nhận giấy chứng nhận kết hôn, ông bà không có mặt. Từ thời gian đó đến nay, ông bà cũng không ra Ủy ban làm bất cứ thủ tục gì khác. Ông bà cũng không có người nào làm chứng cho việc đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do bà Ph tự ý bỏ nhà đi, không rõ đi đâu khoảng vài tháng rồi lại về. Đến năm 2017, bà Ph bỏ nhà đi hẳn và sống tại xã CB. Ông bà sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà Ph có đơn xin ly hôn với ông thì ông cũng nhất trí vì ông bà đã không còn tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Ông xác định ông bà có 02 con chung là Hà Thị H sinh năm 1991 và Hà Mạnh Q sinh năm 1997 đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề này.

Về nợ chung vợ chồng: Ông bà không nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản chung.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật trong tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về nội dung của vụ án: Đề nghị Toà án áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hà Thị Ph và ông Hà Văn P. Về con chung: Bà Ph, ông P có 02 con chung là Hà Thị H sinh năm 1991 và Hà Mạnh Q sinh năm 1997 (đều đã trưởng thành). Về tài sản chung vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, xét thấy cần thiết, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa ông Hà Văn P và bà Trần Thị Ph ở địa phương nơi các đương sự cư trú: Ông P, bà Ph sinh sống tại bản PO, xã CM từ năm 2000. Trong cuộc sống chung cũng không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ thấy bà Ph thường xuyên vắng nhà. Đến năm 2017 thì bà Ph chuyển ra bản A, xã CB sống ly thân với ông P. Tại UBND xã CM hiện không còn hồ sơ lưu trữ về đăng ký kết hôn từ thời điểm năm 1991 trở về trước nên không có căn cứ xác nhận việc ông P, bà Ph có đăng ký kết hôn tại UBND xã CM. Ông P, bà Ph có 02 con chung đều đã trưởng thành là Hà Thị H sinh năm 1991 và Hà Mạnh Q sinh năm 1997. Ở xã CM, ông bà có 01 ngôi nhà tạm hiện ông P đang sống làm trên đất mượn của bố mẹ ông P để lại.

Do bà Ph, ông P không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện M đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn, bị đơn để hòa giải giải quyết vụ án. Do các đương sự không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công

khai. Bị đơn có đơn xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ph và ông Hà Văn P chung sống với nhau từ năm 1990, trên cơ sở do hai bên cùng tự nguyện tìm hiểu, không bên nào bị ép buộc. Ông bà có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Ông bà cùng có ý kiến có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã CM, MS, Sơn La nhưng hiện sổ sách lưu trữ về việc đăng ký kết hôn tại UBND xã CM từ năm 1991 trở về trước không còn. Ông bà cũng không có người làm chứng về việc có đi đăng ký kết hôn theo quy định. Mâu thuẫn giữa hai ông bà bắt đầu từ năm 2014 khi bà Ph thường xuyên vắng nhà do phải làm trụ cột về kinh tế. Đến năm 2017, ông bà chính thức sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân ông bà không quan tâm gì đến nhau. Đến nay cả hai đều xác định không còn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà Ph giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông P. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Ph, ông P đã trầm trọng, ông bà không phải là vợ chồng hợp pháp, quan hệ hôn nhân không được pháp luật bảo vệ. Nên cần căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ph, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Ph và ông Hà Văn P.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Ph, ông P có 02 con chung là Hà Thị H sinh năm 1991 và Hà Mạnh Q sinh năm 1997, đều đã trưởng thành. Ông P, bà Ph không yêu cầu giải quyết quyền lợi về con chung.

[2.3] Về tài sản chung vợ chồng: Bà Ph, ông P không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung vợ chồng: Bà Ph, ông P xác định ông bà không có nợ chung vợ chồng.

[2.5] Về án phí: Bà Trần Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Ph và ông Hà Văn P.

2. Về con chung: Bà Ph, ông P có 02 con chung là chị Hà Thị H sinh năm 1991 và anh Hà Mạnh Q sinh năm 1997 (đều đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung: Bà Ph, ông P không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Ph, ông P không có nợ chung.

5. Về án phí: Bà Trần Thị Ph phải chịu án phí ly hôn là 300.000VNĐ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 VNĐ đã nộp theo biên lai thu số: AA/2016/0001873 ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Ph được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Hà Văn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lò Thị Chơ